

Bản án số: 302/2022/DS-ST
Ngày: 16-9-2022
V/v “Tranh chấp đòi tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Lê Diễm Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Ngọc
2. Ông Nguyễn Bảo Lâm

Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình – Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Võ Ngọc Liên Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2022 tại Tòa án nhân dân quận Tân Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 185/2021/TLST-DS ngày 24 tháng 11 năm 2021 về: “Tranh chấp đòi tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 384/2022/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Bà Phạm Thị Minh T, sinh năm 1969; địa chỉ thường trú: , Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ liên hệ: phường C, quận D, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1990 hoặc ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1988; cùng địa chỉ: phường C, quận D, Thành phố Hồ Chí Minh. (*Ông T1 có mặt, ông N vắng mặt*)

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Mai H; địa chỉ cư trú: phường X, quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh (*Bà H vắng mặt*)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn V; địa chỉ cư trú: phường X, quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh (*Ông V vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nộp tại Tòa án, các bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, biên bản không tiến hành hòa giải được và các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ, nội dung vụ án như sau:

Do là chỗ quen biết nên năm 2014 bà Phạm Thị Minh T có cho bà Nguyễn Thị Mai H mượn tiền 03 lần. Cụ thể là ngày 16/01/2014 cho mượn 110.000.000 đồng, ngày 16/04/2014 cho mượn 200.000.000 đồng và ngày 07/07/2014 cho mượn 100.000.000 đồng. Tổng số tiền cho mượn là: 410.000.000 đồng (bốn trăm mười triệu đồng). Thời hạn cho mượn là 04 tháng. Việc cho mượn không tính lãi. Khi đến hạn trả nợ bà T đã nhiều lần đòi nhưng đến nay bà H vẫn chưa trả lại số tiền mượn nêu trên cho bà T. Khi mượn tiền, chỉ có bà H đứng ra mượn và ký nhận vào các giấy mượn tiền, nói mục đích mượn là chi tiêu công việc. Bà T đề nghị Tòa án tuyên buộc bà Nguyễn Thị Mai H phải trả lại tài sản là số tiền 410.000.000 (bốn trăm mười triệu) đồng cho bà T. Bà T xác định đây là yêu cầu đòi lại tài sản (tiền) đã cho bà H mượn, không yêu cầu tính lãi đối với số tiền nêu trên. Bà T chỉ yêu cầu cá nhân bà Nguyễn Thị Mai H có trách nhiệm trả lại cho bà T số tiền đã mượn, không yêu cầu ông Nguyễn Văn Vĩnh là chồng của bà Nguyễn Thị Mai H phải liên đới trả. Số tiền bà T cho bà H mượn là tiền cá nhân của bà T, không liên quan đến chồng bà T là ông Lê Thành Nam.

Bị đơn, bà Nguyễn Thị Mai H trình bày tại bản tự khai ngày 13/9/2022: Bà H xác nhận có nợ bà Phạm Thị Minh T số tiền 410.000.000 (bốn trăm mười triệu) đồng và xin trả dần mỗi tháng 5.000.000 (năm triệu) đồng cho đến khi hết nợ. Số tiền nợ này bà mượn để lo công việc riêng của bà, không liên quan đến chồng bà là ông Nguyễn Văn V nên bà chịu trách nhiệm một mình. Bà H cũng xin vắng mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn V mặc dù đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập để cung cấp lời khai, thông báo và giấy triệu tập tham gia phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nhưng đều vắng mặt không có lý do và cũng không có bất cứ ý kiến gì về vụ án.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Văn T1 trình bày:

Do là chỗ quen biết nên bà Phạm Thị Minh T có cho bà Nguyễn Thị Mai H mượn tiền 03 lần, (lần thứ nhất: cho mượn 110.000.000 đồng vào ngày 16/01/2014, lần thứ hai: cho mượn 200.000.000 đồng vào ngày 16/4/2014 và lần thứ ba: cho mượn số tiền 100.000.000 đồng, tổng cộng số tiền cho bà H mượn là 410.000.000 (bốn trăm mười triệu) đồng, không thỏa thuận về việc trả lãi. Tại giấy mượn tiền ngày 16/01/2014 có ghi số tiền mượn là 110.000.000 đồng và 2000 đô, nhưng nguyên đơn không yêu cầu trả số tiền 2.000 đô. Nay nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu đòi lại số tiền đã cho bà H mượn là 410.000.000 đồng, không yêu cầu bà H phải trả tiền lãi đối với số tiền này, không yêu cầu ông Nguyễn Văn V là chồng bà H phải liên đới trả. Nguyên đơn yêu cầu bà H phải trả ngay một lần toàn bộ số tiền trên ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị Mai H, ông Nguyễn Văn V vắng mặt tại phiên tòa nên không có ý kiến trình bày.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu:

- Việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử là đúng qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng, quan hệ pháp luật tranh chấp. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

- Về nội dung: Căn cứ vào các giấy mượn tiền ngày vào 16/01/2014, ngày 16/4/2014 và ngày 7/7/2014, căn cứ vào xác nhận của bà H tại bản tự khai ngày 13/9/2022, thì tổng số tiền bà H mượn của bà T là 410.000.000 đồng. bà H cũng xác nhận có mượn của bà T số tiền 410.000.000 đồng và đề nghị xin được trả dần mỗi tháng 5.000.000 đồng nhưng không được nguyên đơn chấp nhận. Như vậy, có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 463, 466 Bộ luật dân sự chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền 410.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên tòa, hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề cần giải quyết trong vụ án, ý kiến của đại diện viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng:

Nguyên đơn – Bà Phạm Thị Minh T khởi kiện tranh chấp đòi tài sản đối với bị đơn – bà Nguyễn Thị Mai H. Theo kết quả xác minh của Công an Phường 02, quận Tân Bình thì bà H có hộ khẩu thường trú và hiện đang cư trú tại 321 Hoàng Văn Thụ, phường 2, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh. Như vậy, theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Bình. Nguyên đơn chỉ đòi bị đơn trả tài sản đã mượn là số tiền nợ gốc, không yêu cầu trả tiền lãi nên Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp về “đòi tài sản” là số tiền mà nguyên đơn đã cho bị đơn mượn.

Ông Lê Thành N1, trình bày tại bản tự khai nộp cho Tòa án: Vợ ông là bà Phạm Thị Minh T kiện bà H đòi số tiền cho mượn. Toàn bộ số tiền này là tiền riêng của cá nhân bà T, không liên quan gì đến ông nên ông không có yêu cầu gì trong vụ án, đề nghị không đưa ông vào tham gia tố tụng và xin vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án. Xét thấy, ông N1 và bà T đều xác định số tiền bà T cho bà H mượn là tài sản riêng của bà T, không liên quan đến ông Nam không cần thiết đưa ông N1 vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Văn N vắng mặt tại phiên tòa; bị đơn – bà Nguyễn Thị Mai H xin vắng mặt tại phiên tòa; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn V mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không vì sự

kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

[2] Về pháp luật nội dung:

[2.1] Xét nguyên đơn (bà Phạm Thị Minh T) yêu cầu bị đơn (bà Nguyễn Thị Mai H) phải trả số tiền 410.000.000 đồng, không yêu cầu tiền lãi:

Căn cứ vào nội dung các giấy mượn tiền ngày 16/01/2014, ngày 16/4/2014 và ngày 7/7/2014 do nguyên đơn nộp, căn cứ đơn khởi kiện, trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, thể hiện nguyên đơn đã cho bị đơn mượn tiền theo các giấy mượn tiền ngày 16/01/2014 là 110.000.000 đồng, ngày 16/4/2014 là 200.000.000 đồng và ngày 07/7/2014 là 100.000.000 đồng, tổng cộng 410.000.000 (bốn trăm mười triệu) đồng. Nguyên đơn khai đã nhiều lần liên hệ, gửi thông báo đòi nợ, yêu cầu bị đơn trả số tiền đã mượn cho nguyên đơn chậm nhất đến ngày 29/7/2020 nhưng bị đơn chỉ hứa hẹn mà không trả. Tại bản tự khai nộp cho Tòa án ngày 13/9/2022 do bị đơn trình bày có nội dung: *“Tôi tên là Nguyễn Thị Mai H có nợ Phạm Thị Minh T số tiền 410.000.000 (bốn trăm mười triệu) đồng, tôi xin trả dần mỗi tháng 5 triệu đồng cho đến khi hết nợ”*. Do đó, có đủ căn cứ xác định bị đơn có nợ nguyên đơn số tiền tổng cộng 410.000.000 (bốn trăm mười triệu) đồng từ năm 2014 chưa trả. Do đó, việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải có trách nhiệm trả số tiền 410.000.000 (bốn trăm mười triệu) đồng cho nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận theo qui định tại điều các Điều 477, 478, 305 Bộ luật Dân sự năm 2005. Ngoài ra, tại giấy mượn tiền ngày 16/01/2014 có ghi số tiền mượn là 110.000.000 đồng và 2000 đô, nhưng nguyên đơn không yêu cầu đối với số tiền 2.000 đô nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết đối với số tiền 2.000 đô.

Tại bản tự khai ngày 13/9/2022 bị đơn xác nhận mượn số tiền trên để dùng cho công việc riêng của bị đơn, không liên quan đến ông Nguyễn Văn V (chồng bị đơn) nên bị đơn sẽ tự chịu trách nhiệm trả nợ. Nguyên đơn cũng không yêu cầu người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn V phải có trách nhiệm liên đới trả nợ. Do đó, hội đồng xét xử buộc bị đơn (bà H) tự chịu trách nhiệm trả số tiền trên cho nguyên đơn.

[2.2] Về thời hạn thanh toán:

Bị đơn đề nghị được trả dần mỗi tháng 5.000.000 (năm triệu) đồng cho đến khi hết nợ, nhưng không được nguyên đơn chấp nhận. Xét thấy, do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả tiền thời gian dài, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn nên nguyên đơn yêu cầu phải trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật là phù hợp nên chấp nhận.

Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở nên chấp nhận.

[3] Về án phí sơ thẩm:

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị

đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 20.400.000 (hai mươi triệu bốn trăm ngàn) đồng.

Hoàn lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ vào Điều 357; Điều 463; Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn - bà Phạm Thị Minh T:

Buộc bà Nguyễn Thị Mai H phải trả cho bà Phạm Thị Minh T số tiền 410.000.000 (bốn trăm mười triệu) đồng.

Phương thức và thời hạn trả: Trả một lần toàn bộ số tiền trên ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2/ Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm là 20.400.000 (hai mươi triệu bốn trăm ngàn) đồng do bà Nguyễn Thị Mai H phải chịu.

Hoàn trả lại cho bà Phạm Thị Minh T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 10.200.000 (mười triệu hai trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0030502 ngày 10/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình.

3/ Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật

Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- VKSND Q.Tân Bình;
- Chi cục THADS Q.Tân Bình;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Lê Diễm Thúy

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- VKSND Q.Tân Bình;
- Chi cục THADS Q.Tân Bình;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Lê Diễm Thúy

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- VKSND Q.Tân Bình;
- Chi cục THADS Q.Tân Bình;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Lê Diễm Thúy

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN CHỦ TỌA

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- VKSND Q.Tân Bình;
- Chi cục THADS Q.Tân Bình;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Lê Diễm Thúy